

Bản án số: 21/2024/DS-PT
Ngày 08 - 5 - 2024
V/v: Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên, Ông Chăm Xuân Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Hồng Nét – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Bà Phạm Minh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4 và ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023, về việc Tranh chấp chia thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1937; nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Văn C, sinh năm 1961, nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Lương Thị U, sinh năm 1976; nơi cư trú: Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Luật sư Trần Bích L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ B, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

+ Ông Trần Xuân T, bà Trần Thị H, bà Phạm Thị L1 - Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Bà H có mặt, ông T, bà L1 vắng mặt.

+ Ông Hà Trọng Đ, ông Trần Ngọc C1 - Luật sư công ty L5 và cộng sự. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Trần Thị Đ1**, sinh năm 1958; Nơi cư trú: **Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La**; Có mặt.

+ Ông **Trần Văn C**, sinh năm 1961; Nơi cư trú: **Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La**; Có mặt.

+ Ông **Trần Văn T1**, sinh năm 1964; Nơi cư trú: **Tổ C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Sơn La**; Có mặt.

+ Ông **Trần Văn Á**, sinh năm 1967; Nơi cư trú: **Bản T, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La**; Có mặt.

+ Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: **Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La**; Có mặt.

+ Ông **Trần Văn L2**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: **Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La**; Có mặt.

+ Anh **Trần Minh P1** và anh **Trần Phú N**; cùng nơi cư trú: **Bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La**; anh **P1** có mặt, anh **N** vắng mặt.

Người kháng cáo: anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N**, bà **Lương Thị U**, ông **Trần Văn L2**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Nguyễn Thị B** và người đại diện của nguyên đơn trình bày như sau:*

Vợ chồng bà **Nguyễn Thị B** và ông **Trần Văn T2** có một diện tích đất tại **bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La**, nguồn gốc đất là do vợ chồng bà khai hoang mà có; đất đã được cấp quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà vào năm 2000. Ông bà có tất cả bảy người con gồm: **Trần Thị Đ1**, **Trần Văn C**, **Trần Văn T1**, **Trần Văn Á**, **Trần Văn P**, **Trần Văn L2**, **Trần Văn L3** (đã chết năm 2017). Ngày 15/02/2004, vợ chồng ông bà có làm giấy uỷ quyền sử dụng đất cho con trai tôi là **Trần Văn L3** và con dâu là **Lương Thị U** để đi vay Ngân hàng. Đến tháng 8/2004 ông **Trần Văn T2** đột ngột qua đời do tai nạn giao thông nhưng không để lại di chúc gì về mảnh đất trên. Ngày 01/9/2006, bà **B** có làm giấy quyền thừa kế toàn bộ mảnh đất trên cho con trai là **Trần Văn L3** và con dâu là **Lương Thị U** nhưng chưa có sự họp bàn thống nhất của các con trong cả gia đình mà chỉ có chữ ký xác nhận của hai con trai là **Trần Văn C**, **Trần Văn L2**. Cùng năm 2006, con trai **Trần Văn L3** có nhờ bà xác nhận mượn bìa đỏ để đi vay ngân hàng, không ngờ đến năm 2010 thì đã làm thủ tục sang tên bìa đỏ đứng tên **Trần Văn L3** và **Lương Thị U**. Hiện nay, bà đã tuổi cao, sức yếu nhưng có nguyện vọng là

lấy một số đất để làm chỗ thờ cúng hương hỏa tổ tiên, tạo thuận tiện cho các con cháu xa gần trong các ngày đại sự của gia đình và chia phần diện tích đất cho các con mỗi người được một phần. Tuy nhiên, con dâu là **Lương Thị U** nhất quyết không đồng ý với yêu cầu này, qua các lần hoà giải do **Ban Q** và **UBND xã C** tổ chức và cho rằng mảnh đất trên đã đứng tên mình nên mình có toàn quyền sử dụng, thích cho ai thì cho, không cho thì thôi, còn thích kiện đi đâu thì kiện. Vì vậy, đã gây bức xúc đối với các anh em trong gia đình. Do đó, bà viết đơn khởi kiện đề nghị Tòa án: Chia thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC911644, được vào sổ cấp GCN: CH00657 ngày 26/11/2010 do **UBND huyện S**.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 27 tháng 9 năm 2023 bà có thể hiện quan điểm về Chia thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC911644, được vào sổ cấp GCN: CH00657 ngày 26/11/2010 là chia di sản thừa kế của ông **T2** và của anh **Trần Văn L3** đối với diện tích đất này.

*Bị đơn chị **Lương Thị U** và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Vào năm 1997 chị **U** kết hôn với anh **Trần Văn L3** là con trai út của ông **Trần Văn T2** và bà **Nguyễn Thị Bát**. Sau khi cưới chị **U** và chồng về ở cùng bố mẹ. Khi ở cùng bố mẹ chồng, ông **T2** - bà **B** có tuyên bố là cho vợ chồng **L3** - **Uyên** toàn bộ diện tích đất của ông bà. Còn phần của các anh chị khác đã được Đảng và nhà nước cấp đất ở ổn định hết rồi. Sau khi bố mẹ chồng cho vợ chồng nhà chị **U** đã làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chính chủ vợ chồng **L3** - **U**. Tuy nhiên đến năm 2017 do bệnh tật anh **L3** chết và không để lại di chúc. Sau đó chị **U** và các con vẫn sử dụng mảnh đất mà bố mẹ chồng đã cho. Chị **U** đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất này.

Hiện nay nhà chồng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là diện tích đất của bố mẹ, chị **U** không đồng ý vì diện tích này đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị rồi không có tên những người khác. Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới chia được nên đề nghị Tòa án chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án ra Tòa án tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền. Nếu phía nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì chị sẽ nhất trí cho lại phía nguyên đơn 01 diện tích đất có chiều rộng mặt đường là 10m và sâu vào hết đất.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cũng cho rằng việc bà **B** yêu cầu chia thừa kế đối với di sản thừa kế của anh **L3** là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và quá trình thực hiện giải quyết vụ án Tòa án đã vi phạm nghiêm

trọng thủ tục tố tụng khi không tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn và người đại diện theo ủy quyền. Đối với vấn đề yêu cầu chia thừa kế thì không nhất trí vì không có căn cứ để chứng minh bà Nguyễn Thị B - ông Trần Văn T2 có quan hệ vợ chồng, các ông bà Trần Thị Đ1, Trần Văn C, Trần Văn T1, Trần Văn Á, Trần Văn P, Trần Văn L2, Trần Văn L3 có quan hệ cha, mẹ con với bà Nguyễn Thị B- ông Trần Văn T2, đề nghị Tòa áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Đ1, Trần Văn C, Trần Văn T1, Trần Văn Á, Trần Văn P, Trần Văn L2 trình bày: Diện tích đất hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng L3 – Uyên là tài sản của ông T2 - bà B. Khi vợ chồng L3 – U đi làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được sự nhất trí của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sau đó anh L3 chết vào năm 2017, chị U hiện nay đã lấy chồng mới. Nay yêu cầu Tòa án xem xét chia thừa kế diện tích đất của bố mẹ cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật và nhất trí với các ý kiến mà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại phiên hòa giải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh P1 và anh Trần Phú N (là con đẻ của chị Lương Thị U và anh Trần Văn L3) vắng mặt, có người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nhất trí hoàn toàn với lời trình bày và các ý kiến của chị Lương Thị U, không có ý kiến bổ sung gì khác. Không có yêu cầu chia địa sản thừa kế của anh Trần Văn L3.

Ngày 13/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần diện tích đất có tranh chấp: Tổng diện tích đất là 6492,4m², trong đó: đất ở nông thôn là 400m², đất trồng cây lâu năm là 6092,4m² (Có sơ đồ kèm theo); cùng toàn bộ tài sản trên đất (có kê chi tiết kèm theo).

Ngày 13/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự của UBND huyện S, tỉnh Sơn La tiến hành định giá tài sản đang có tranh chấp như sau:

- Đối với đất: Do trong thời gian 02 năm trở lại đây không có giao dịch chuyển nhượng nào tại khu vực này nên HĐĐG áp dụng bảng giá đất theo Quyết định 43, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh S ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 – 2024) để xác định giá đất.

- Đối với giá cây cối hoa màu áp dụng Quyết định số 01/2021/QĐ – UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh S: Quyết định quy định đơn giá bồi

thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Đối với giá các công trình xây dựng: Giá tài sản theo Quyết định 1668, ngày 01/7/2019 của UBND tỉnh S quy định đơn giá xây dựng của một số loại công trình; Phần hao mòn tài sản, khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư 45, ngày 07/5/2018 của Bộ T4).

(Có bảng kê chi tiết kèm theo)

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147; Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1, khoản 2 Điều 213; các Điều 649, 650, 651, 655 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận nội dung đơn khởi kiện về việc tranh chấp chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Bát . Chia thừa kế như sau:

1. 1. Chia di sản thừa kế của anh Trần Văn L3 cho bà Nguyễn Thị B là quyền sử dụng đất được đánh dấu là thửa đất lô số 1, số 2 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có tổng giá trị là 104.604.433đ. Chị Lương Thị U, Trần Minh P1, Trần Phú N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà B phần giá trị di sản thừa kế còn thiếu là 47.953.708đ.

Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau:

* Thửa đất thứ nhất được xác định từ điểm A1 đến các điểm A2, A3, A4. Có tổng diện tích là: 409,5m² là đất trồng cây lâu năm, trong đó có 28,7m² nằm trong hành lang giao thông. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A4 đến A3, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 2, chiều dài cạnh là 7,18m + 109,84m = 117,02m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A1 đến A2, được chia thành từng đoạn gồm: 7,18m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 55,46m

+ 0,15m + 16,97m + 14,87m + 7,79m + 15,83m = 118,25m. Giáp bà **U** (các đoạn 7,18m + 55,46m + 0,15m), ông **Đ** (các đoạn 16,97m + 14,87m), ông **H1** (các đoạn 7,79m + 15,83m)

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A1 đến điểm A4, chiều dài cạnh là 4,11m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A2 đến A3, giáp đất ông **H1**, chiều dài cạnh là 0,69m.

Tài sản trên đất gồm có: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 5 cây, Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 16 cây, Hồng xiêm từ 3 – 5 năm: 2 cây.

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

* Thửa đất thứ hai được xác định từ điểm A4 đến các điểm A3, A6, A5. Có tổng diện tích là: 466,1m² là đất trồng cây lâu năm, trong đó có 28,7m² nằm trong hành lang giao thông. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A5 đến A6, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 3, chiều dài cạnh là 7,18m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 108,82m = 116m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A4 đến A3, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 1, chiều dài cạnh là 7,18m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 109,84m = 117,02m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A4 đến điểm A5, chiều dài cạnh là 4,11m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A3 đến A6, giáp đất nhà ông **H1**, chiều dài cạnh là 4m.

Tài sản trên đất gồm có: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 9 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 9 cây; Hồng xiêm từ 3 – 5 năm: 3 cây; Me cho quả từ 3- 5 năm: 01 cây; Chanh cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1. 2. Giao cho chị **Lương Thị U** cùng các con là **Trần Minh P1**, **Trần Phú N** được quyền quản lý sử dụng thửa đất được đánh dấu là lô số 3 cùng toàn bộ tài sản trên đất là di sản thừa kế chưa chia của anh **L3** đối với chị **Lương Thị U** và **Trần Minh P1**, **Trần Phú N**.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A5 đến các điểm A6, A7, A8. Có tổng diện tích là: 1982,6m². Trong đó: 1931,9m² là đất trồng cây lâu năm (nằm trong tổng diện tích này có 162,3m² là đất trồng cây lâu năm

nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 50,7m² là đất ở nông thôn. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A7 đến A8, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 4, chiều dài cạnh là 83,72m + 20,18m + 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) = 110,96m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A5 đến A6, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số hai, chiều dài cạnh là 7,18m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 108,82m = 116m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A5 đến điểm A8, chiều dài cạnh là 19,62m + 3,93m = 23,55m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A6 đến A7, giáp đất nhà ông H1, chiều dài cạnh là 11,83m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 22 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3 - 5 năm: 52 cây; Hồng xiêm cho quả từ 3 - 5 năm: 06 cây; Cây cóc cho quả từ 3 - 5 năm: 01 cây; Chanh cho quả từ 3 - 5 năm: 01 cây; Xoài cho quả từ 3 - 5 năm: 6 cây; Cây ổi cho quả từ 3 - 5 năm: 03 cây; Dừa cho quả trên 10 năm: 01 cây; Táo cho quả trên 10 năm: 02 cây.

- Các công trình xây dựng: 01 ngôi nhà xây mái bằng (ký hiệu là N1 trong sơ đồ) có diện tích là 130,4m², 01 phần bán mái (ký hiệu là N2 trong sơ đồ) có diện tích là 14,1m², 01 nhà bếp + nhà vệ sinh + nhà tắm (ký hiệu là N18 trong sơ đồ) có diện tích là 31,5m², 01 sân gạch (có ký hiệu N3 trong sơ đồ) nằm ở phía trước (hướng Nam) của ngôi nhà xây mái bằng có diện tích là 119,1m², cổng lối vào sân gạch (trụ cổng xây gạch chỉ x 2 trụ - ký hiệu là N4 trong sơ đồ) và 01 cổng sắt có diện tích là 5,6m², 01 nhà tắm ngoài trời (ký hiệu là N15 trong sơ đồ) có diện tích là 1,6m²; 01 giếng nước thành xây bằng gạch (ký hiệu là N16 trong sơ đồ) có kích thước là 0,5 x 0,5 x 17,0 x 3,14 = 13,345m³.

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.3. Chia di sản thừa kế của ông Trần Văn T2 là quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Đ1 của thửa đất được đánh dấu là lô số 4 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có tổng giá trị là: 83.090.000đ. Bà Đ1 phải trả cho chị Lương Thị U và Trần Minh P1, Trần Phú N giá trị các tài sản nằm trong khối tài sản chung của anh L3 - chị U là 41.241.660đ.

* Đặc điểm cụ thể của thửa đất như sau: được xác định từ điểm A7 đến các điểm A8, A9, A10. Có tổng diện tích là: 441,7m². Trong đó: có 361m² là đất trồng cây lâu năm (có 28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 80,7m² là đất ở nông thôn. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A9 đến A10, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 5, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 82,67m = 109,91m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A7 đến A8, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 3, chiều dài cạnh là 83,72m + 20,18m + 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) = 110,96m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A8 đến điểm A9, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A7 đến A10, giáp đất nhà ông **H1**, chiều dài cạnh là 4,03m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 06 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 10 cây; Chanh cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây; Cây dừa trên 10 năm: 01 cây; Cây vú sữa cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

- Các công trình xây dựng: một phần của nhà kho (có ký hiệu trong sơ đồ là N12), có diện tích là 11,8m².

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.4. Chia di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn C** của thửa đất được đánh dấu là lô số 5 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 81.974.000đ. Ông **C** phải trả cho chị **Lương Thị U** và **Trần Minh P1**, **Trần Phú N** giá trị các tài sản chung nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 40.649.250đ.

* Đặc điểm cụ thể của thửa đất như sau: được xác định từ điểm A9 đến các điểm A10, A11, A12. Có tổng diện tích là: 437,3m². Trong đó: có 356,6m² là đất trồng cây lâu năm (28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 80,7m² là đất ở nông thôn. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A12 đến A11, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 6, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 81,53m = 108,77m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A9 đến A10, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 4, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 82,67m = 109,91m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A9 đến A12, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A10 đến A11, giáp đất nhà ông H1, chiều dài cạnh là 4,04m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 04 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 12 cây; Xoài cho quả trên 10 năm: 02 cây;

- Các công trình xây dựng: một phần của nhà kho (có ký hiệu trong sơ đồ là N13), có diện tích là 10,3m²; một phần của nhà kho (có ký hiệu trong sơ đồ là N8), có diện tích là 6,6m²; 01 bán mái lập tôn, cột kèo bằng sắt (có ký hiệu trong sơ đồ là N5), có diện tích là 25m², diện tích phần lớn nằm trong diện tích đất hành lang giao thông; 01 bể nước (có ký hiệu trong sơ đồ là N14), có diện tích là 7m².

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác

1.5. Chia di sản thừa kế của ông Trần Văn T2 là quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn T1 của thửa đất được đánh dấu là lô số 6 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 68.684.000đ. Ông T1 phải trả cho chị Lương Thị U và Trần Minh P1, Trần Phú N giá trị các cây cối trên đất nằm trong khối tài sản chung của anh L3 - chị U là 27.359.250đ.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A12 đến các điểm A11, A14, A13. Có tổng diện tích là: 432,8m². Trong đó: Có 352,1m² là đất trồng cây lâu năm (28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 80,7m² là đất ở nông thôn.

Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A13 đến A14, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 7, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 80,40m = 107,64m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A12 đến A111, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 5, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 81,53m = 108,77m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A12 đến A13, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A11 đến A14, giáp đất nhà ông H1, chiều dài cạnh là 4,04m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 01 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 17 cây; Mít cho quả từ 5 – 10 năm: 01 cây; Chanh cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

- Các công trình xây dựng: một phần của ngôi nhà xây cấp 4, mái lợp ngói (có ký hiệu trong sơ đồ là N6), có diện tích là 42,7m², phần lớn diện tích nằm trong hành lang giao thông và một phần nằm trong diện tích đất ở nông thôn; một phần của nhà kho (có ký hiệu trong sơ đồ là N9), có diện tích là 9,3m².

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.6. Chia di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn Á** của thửa đất được đánh dấu là lô số 7 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 101.496.000đ. Ông **Á** phải trả cho chị **Lương Thị U** và anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** giá trị các tài sản chung nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 60.171.250đ.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A13 đến các điểm A14, A15, A16. Có tổng diện tích là: 428,3m². Trong đó: Có 347,6m² là đất trồng cây lâu năm (28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 80,7m² là đất ở nông thôn. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A16 đến A15, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 8, chiều dài cạnh là 7,05m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 79,27m = 106,5m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A13 đến A14, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 6, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 80,40m = 107,64m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A13 đến A16, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A14 đến A15, giáp đất nhà ông **H1**, chiều dài cạnh là 4,04m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 11 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 04 cây; Hồng xiêm cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

- Các công trình xây dựng: một phần của ngôi nhà xây cấp 4, mái lợp ngói (có ký hiệu trong sơ đồ là N7), có diện tích là 41,6m², phần lớn diện tích nằm trong hành lang giao thông và một phần nằm trong diện tích đất ở nông thôn. 01 bể nước (có ký hiệu trong sơ đồ là N14).

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.7. Chia thừa kế là di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn P** của thửa đất được đánh dấu là lô số 8 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 45.404.000đ. Ông **P** phải trả cho chị **Lương Thị U** và anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** giá trị các tài sản chung nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 4.079.250đ.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A16 đến các điểm A15, A18, A17. Có tổng diện tích là: 424,1m². Trong đó: 397,6m² là đất trồng cây lâu năm năm (28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 26,5m² là đất ở nông thôn.

Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A17 đến A18, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 9, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 98,47m = 105,53m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A16 đến A15, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 7, chiều dài cạnh là 7,05m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 79,27m = 106,5m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A16 đến A17, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A15 đến A18, giáp đất nhà ông **H1**, chiều dài cạnh là 4,02m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả từ 5- 10 năm: 01 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 25 cây; Hồng xiêm cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây; Bưởi cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

- Các công trình xây dựng: một nhà tắm + vệ sinh (có ký hiệu trong sơ đồ là N17), có diện tích là 3,9m², một phần của chuồng gà (có ký hiệu trong sơ đồ là N10), có diện tích là 10,2m².

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.8. Chia thừa kế là di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn L2** của thửa đất được đánh dấu là lô số 9 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 161.450.000đ. Ông **L2** phải trả cho chị **Lương Thị U** và anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** giá trị các tài sản chung nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 120.125.250đ.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A17 đến các điểm A18, A19, A20, A21, A22. Có tổng diện tích là: 1470m² đều là đất

trồng cây lâu năm, trong đó có 28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A19 đến các điểm A20, A21, A22, giáp với đất của ông Đ2 và đất ông P2, chiều dài cạnh là 42,30m + 7,49m + 17,37m + 17,59m + 3,72m + 7,30m + 10,98m + 5,38m + 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông).

- Phía Tây được xác định từ điểm A17 đến A18, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 8, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 98,47m = 105,53m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A17 đến A22, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A18 đến A19, giáp đất nhà ông H1 chiều dài cạnh là 13,06m và giáp đất ông Đ2 chiều dài cạnh là 11,96m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả từ 5 - 10 năm: 18 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3 - 5 năm: 55 cây; Đu đủ cho quả từ 3 - 5 năm: 01 cây; Nghệ: 150 khóm.

- Các công trình xây dựng: một phần của chuồng gà (có ký hiệu trong sơ đồ là N11), có diện tích là 19,5m². 01 bể phốt ngầm.

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

(Toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất được mô tả có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quản lý về đất đai để thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đất cùng các tài sản trên đất và cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cùng các tài sản trên đất theo quy định.

Bà Nguyễn Thị B được quyền chiếm hữu, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất được đánh dấu là lô số 6 và lô số 7 cho đến khi chết đi.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 06/10/2023, anh Trần Minh P1 và anh Trần Phú N có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục cấp sơ thẩm. Lý do là: Yêu cầu khởi kiện không phải là ý chí của người khởi kiện bà Nguyễn Thị B; cấp sơ

thảm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đó là rất nhiều Quyết định tố tụng như Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định tạm đình chỉ vụ án, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án... anh **P1** và anh **N** chưa nhận được; và nhiều vi phạm tố tụng khác;

Ngày 09/10/2023, bà **Lương Thị U** có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục cấp sơ thẩm. Lý do là: Cấp sơ thẩm chia tài chung của vợ chồng bà **U** không phải là di sản thừa kế; cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đó là chấp nhận bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa và yêu cầu bổ sung này vượt qua yêu cầu khởi kiện ban đầu;

Ngày 10/10/2023, ông **Trần Văn L2** có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần giá trị tài sản trên đất mà ông **L2** được chia và số tiền ông phải trả chênh lệch;

Ngày 19/12/2023, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là **văn phòng L6** có công văn kiến nghị về việc xem xét tài liệu, hồ sơ vụ án;

Ngày 18/12/2023, anh **Trần Phú N** có đơn đề nghị thẩm định, định giá lại tài sản;

Ngày 11/4/2024 Văn phòng luật sư **Hà Trọng Đ** gửi đến Tòa án (qua bưu điện) 01 bản vi bằng, xác nhận nội dung cuộc nói chuyện qua video giữa anh **Trần Minh P1** và bà **Nguyễn Thị B**, cụ thể:

*“**Trần Minh P1**: Bà cho cháu cái phần thừa kế của bà của bố cháu nhà, cái phần bà được hưởng của bố cháu ấy thì vẫn cho đúng không?”*

***Nguyễn Thị B**: Ừ, cái đấy thì vẫn cho.*

***Trần Minh P1**: Đúng rồi từ trước giờ thì vẫn cho rồi, ý là cho thì cho hết, phần nào bà được hưởng là bà cho hết”.*

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người kháng cáo bà **Lương Thị U**, anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N**, ông **Trần Văn L2** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **P1**, anh **N** trình bày, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể là:

Cấp sơ thẩm không cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh P1, anh N; giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu; đưa thiếu người tham gia tố tụng là Ủy ban nhân dân huyện S; chưa đủ căn cứ chứng minh ông T2 và anh L3 chết; chưa có căn cứ về hôn nhân và huyết thống giữa những người chia thừa kế; có vi phạm trong định giá; không xem xét công sức tôn tạo của bị đơn.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Minh P1, anh Trần Phú N và bà Lương Thị U; chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L2, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La về giá trị tính cây trên thửa đất số 9; các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2022, bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chia thừa kế với chị Lương Thị U. Bị đơn chị Lương Thị U cư trú tại bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp thừa kế tài sản theo đơn khởi kiện của bà B là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2023 anh Trần Minh P1 và anh Trần Phú N có đơn kháng cáo; ngày 09/10/2023 chị Lương Thị U có đơn kháng cáo; ngày 10/10/2023, ông Trần Văn L2 có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của anh Trần Minh P1, anh Trần Phú N, bà Lương Thị U, ông Trần Văn L2 trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức, đúng chủ thể, đảm bảo về thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của Anh **Trần Minh P1** và anh **Trần Phú N**:

[2.1.1] Tại hồ sơ không thể hiện có các biên bản giao nhận cho anh **Trần Minh P1** và anh **Trần Phú N** một số quyết định như: Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định tạm đình chỉ vụ án, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ngày 13/4/2023 anh **Trần Minh P1** và ngày 30/6/2023 anh **Trần Phú N** đã có ủy quyền cho bà **Trần Bích L** làm đại diện tham gia các hoạt động tố tụng tại Tòa án, các hoạt động tố tụng tại cấp sơ thẩm đều có sự tham gia của bà **L**. Do đó, việc không nhận được các văn bản tố tụng không làm ảnh hưởng tới quyền lợi của các đương sự.

[2.1.2] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng anh **Trần Văn T3** không có chứng cứ chứng minh việc ủy quyền đi nộp hồ sơ khởi kiện cho bà **Nguyễn Thị B** và việc khởi kiện có đúng ý chí của bà **Nguyễn Thị B** không, chưa được làm rõ: Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, đơn khởi kiện ngày 16/6/2022 của bà **Nguyễn Thị B** đã đầy đủ về mặt nội dung, hình thức quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giao nhận Đơn khởi kiện và các tài liệu liên quan, Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã làm biên bản giao nhận với anh **Trần Văn T3** (cháu ruột bà **B**). Ngày 28/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã tiến hành lấy lời khai đối với bà **Nguyễn Thị B**, trong biên bản bà **B** đã xác nhận có đơn khởi kiện đối với chị **Lương Thị U** về việc chia thừa kế và đã ủy quyền cho con trai là **Trần Văn C** thay bà tham gia giải quyết vụ án. Biên bản có đầy đủ chữ kí, điểm chỉ của nhưng người tham gia lấy lời khai trong đó có cả anh **P1** con chị **U**. Quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm, ông **Trần Văn C** (người đại diện theo ủy quyền của bà **Nguyễn Thị B**) đều không có ý kiến gì về đơn khởi kiện, ý chí, quan điểm của ông **C** đồng nhất với đơn khởi kiện. Do đó, đơn khởi kiện là đúng với ý chí, nguyện vọng của bà **Nguyễn Thị B**. Không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của chị **Lương Thị U** và ý kiến của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh **P1** và anh **N**:

[2.2.1] Ngày 16/6/2022, bà **Nguyễn Thị B** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC911644, được vào sổ cấp GCN: CH00657 ngày 26/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện **S** cấp. Theo đó, tại đơn khởi kiện bà **Nguyễn Thị B** không nêu rõ chia di sản thừa kế của ai để lại. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nhất

trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế đối với diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật. Mặt khác diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC911644, được vào sổ cấp GCN: CH00657 ngày 26/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp là di sản thừa kế của ông T2 và anh L3 để lại, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày cụ thể chia thừa kế của ông T2 và anh L3, Đồng thời tại bản tự khai ngày 26/7/2022 (bút lục số 08) chị U cũng trình bày “Bố mẹ tôi tuyên bố là cho vợ chồng tôi toàn bộ số đất của bố mẹ đang ở mang tên bìa đỏ cũ là Trần Văn T2”, “Tôi xin đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của chồng tôi cho các đồng thừa kế là tôi, 02 con tôi và mẹ chồng tôi”. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, xác định chia thừa kế theo quy định pháp luật là chia thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T2 và anh Trần Văn L3 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn chị Lương Thị U, chị U nêu rõ việc Tòa án cấp sơ thẩm đã chia tài sản chung của vợ chồng chị và cho rằng đó là di sản thừa kế của ông Trần Văn T2 (bố chồng bị đơn Lương Thị U) là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật vì đất đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Trần Văn L3 và chị Lương Thị U. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tại giấy uỷ quyền thừa kế bà Nguyễn Thị B cho con trai là Trần Văn L3 và con dâu Lương Thị U được quyền thừa kế mảnh đất gồm 400m² đất ở và 3500m² đất vườn sử dụng lâu dài. Như vậy tổng số đất bà B cho vợ chồng chị Lương Thị U là 3900m² đất (gồm đất ở và đất vườn) trong khi đó tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Trần Văn L3 và chị Lương Thị U có tổng diện tích đất là 6.692,9m² (là tổng diện tích đất có nguồn gốc của ông T2 và bà B). Từ những nhận định trên thấy rằng bà Nguyễn Thị B không cho vợ chồng anh chị Lăng Uyên toàn bộ diện tích đất mà chỉ cho một phần thuộc phần tài sản của bà B trong khối tài sản chung với ông T2. Do vậy, việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn L3 và Lương Thị U đối với toàn bộ diện tích đất là 6.692,9m² mà không có sự đồng ý của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2 là không đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên không cần thiết phải huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi mới chia thừa kế mà xét thấy việc chia thừa kế, sau đó cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào kết quả xét xử để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định của Luật đất đai mà không ảnh hưởng tới giải quyết vụ án. Đồng thời bản án sơ thẩm cũng đã tuyên các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan chức năng để kê khai cấp giấy chứng nhận, do đó không cần thiết phải đưa Ủy ban nhân dân huyện S vào tham gia tố tụng như đề

ngợi của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bản thân chị **Lương Thị U** cũng thừa nhận toàn bộ diện tích đất là 6.692,9m² theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án **huyện S** có nguồn gốc là tài sản chung của bố mẹ chồng chị là ông **T2** và bà **B**.

[2.2.3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập xác định được cho thấy ông **Trần Văn T2** và bà **Nguyễn Thị B** là vợ chồng chung sống với nhau và sinh được tất cả 07 người con, không có người con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú nào khác. Các con của ông bà gồm: **Trần Thị Đ1** - sinh năm 1958, **Trần Văn C** - sinh năm 1961, **Trần Văn T1** - sinh năm 1964, **Trần Văn Á** - sinh năm 1967, **Trần Văn P** - sinh năm 1970, **Trần Văn L2** - sinh năm 1973, **Trần Văn L3** (đã chết năm 2017). Ông **T2** và bà **B** cùng các con sinh sống tại **bản T, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La** trên một diện tích đất được ông bà khai hoang từ những năm 1960, diện tích đất này đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông **T2** - bà **B** vào năm 2000. Đến tháng 8 năm 2004 thì ông **T2** chết, không để lại di chúc, lúc đó các con chung của ông bà đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình đã tạo lập cuộc sống riêng, khi đó chỉ có anh **Trần Văn L3** kết hôn với chị **Lương Thị U** và hai con chung của anh chị là **Trần Minh P1**, **Trần Phú N** là đang sống ngay cạnh ông **T2** - bà **B** trên cùng một thửa đất đã được cấp quyền sử dụng đất có số BC911644, được vào sổ cấp GCN: CH00657 ngày 26/11/2010 do **UBND huyện S** cấp. Đến năm 2017 anh **Trần Văn L3** chết, không để lại di chúc. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị **U** thừa nhận chị là con dâu út của ông **T2** bà **B**, ông **T2** bà **B** có 7 người con chung. Việc ông **T2** bà **B** có con riêng hay ngoài giá thú hay không thì chị không biết. Như vậy lời trình bày của chị **U** phù hợp với kết quả giải quyết tại cấp sơ thẩm. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã yêu cầu đương sự bổ sung trích lục khai tử của ông **Trần Văn T2** và anh **Trần Văn L3** làm căn cứ chứng minh quan hệ giữa người khởi kiện với người có di sản thừa kế. Do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Luật sư về việc chưa đủ căn cứ về hôn nhân và huyết thống và điều kiện thụ lý yêu cầu khởi kiện.

[2.2.4] Như vậy, xác định diện tích đất đang có tranh chấp được áp dụng chia thừa kế theo pháp luật là toàn bộ diện tích đất cùng tài sản trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC911644, được vào sổ cấp GCN: CH00657 ngày 26/11/2010 do **UBND huyện S** cấp cho ông **Trần Văn T2**, bà **Nguyễn Thị B**, được chuyển quyền sử dụng đất cho anh **Trần Văn L3**, chị **Lương Thị U** vào năm 2010 là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ, xác

định: Tổng giá trị tài sản chung của ông T2 – bà B gồm toàn bộ diện tích đất được thẩm định và 58 cây nhãn ghép cho quả trên 10 năm. Xét thấy bà B là vợ hợp pháp của ông T2, ông T2 chết không để lại di chúc nên bà B chỉ có quyền định đoạt đối với ½ tài sản chung, ½ phần tài sản còn lại là di sản của ông T2 để lại sẽ chia cho các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông T2 gồm bà B (vợ) và 07 người con. Như vậy bà B chỉ có quyền định đoạt ½ phần tài sản này và một kỷ phần thừa kế của ông T2 mà bà được hưởng, còn các kỷ phần thừa kế của các con chung khác thì bà không có quyền định đoạt là có căn cứ.

Tài sản chung của bà B – ông T2 có giá trị là 443.696.000đ (tiền trị giá đất) + 217.500.000đ (tiền trị giá 58 cây nhãn ghép trên 10 năm) = 661.196.000đ (theo kết quả định giá). Như vậy, phần di sản ông T2 để lại là ½ của 661.196.000đ = 330.598.000đ được chia cho 08 người (vợ+07 người con) = 41.324.750đ/1 kỷ phần thừa kế.

Bản án sơ thẩm xác định: Phần bà B đã cho anh L3, chị U là: 330.598.000đ (phần giá trị tài sản chung của bà với ông T2) + 1 suất chia thừa kế của ông T2 mà anh L3 được hưởng là 41.324.750đ + 1 suất thừa kế mà bà B được hưởng của ông T2 là 41.324.750đ (bà B đã cho hết anh L3, chị U thể hiện bằng văn bản quyền thừa kế). Tổng tài sản chung của chị U và L3 trên diện đất đang có tranh chấp có trị giá là: 330.598.000đ (giá trị tài sản mà bà B cho anh L3) + 41.324.750đ + 41.324.750đ + 807.217.631đ (bao gồm nhà và các cây cối trên đất mà chị U khai báo đã trồng, không nằm trong di sản thừa kế của ông T2) = 1.220.465.131đ. Như vậy bản án sơ thẩm đã có xem xét công sức tôn tạo đất của vợ chồng chị Uyên L4 là 807.217.631đ.

Như vậy ½ của 1.220.465.131đ = 610.232.566đ là di sản thừa kế của anh L4 để lại cho 4 người thừa kế (Mẹ bà B, vợ chị U và 02 con) → 1 suất thừa kế theo pháp luật của anh L4 = 152.558.141đ.

Vì các đồng thừa kế có yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng việc chia cho các đồng thừa kế mỗi người 1 diện tích đất, đảm bảo điều kiện tách thửa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 của Quyết định số 42/2021/QĐ - UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh S và trường hợp thừa kế nào được hưởng phần đất và tài sản trên đất có giá trị nhiều hơn thì có trách nhiệm hoàn trả cho người bị thiếu so với phần của mình được hưởng là có căn cứ, phù hợp cần chấp nhận.

[2. 3] Xét đơn kháng cáo của ông Trần Văn L2

Đối với thửa đất được đánh dấu là lô số 9 có 18 cây Nhãn ghép cho quả từ 5 - 10 năm được nhân với đơn giá là 3.750.000đ của Tòa án cấp sơ thẩm là có

sai sót, vận dụng theo Quyết định số 01 ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La thì cây nhãn ghép cho quả từ 5 - 10 năm có đơn giá là 1.800.000đ. Do vậy 18 cây x 1.800.000đ = 32.400.000đ. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất tại thửa đất được đánh dấu là lô số 9 là 126.350.000đ. Do vậy, kháng cáo của ông L2 là có căn cứ chấp nhận và sửa lại như sau:

Giá trị của thửa đất và tài sản trên đất được đánh dấu là lô số 9 là: 126.350.000đ. Như vậy, ông L2 phải trả cho chị Lương Thị U và Trần Minh P1, Trần Phú N giá trị các tài sản chung nằm trong khối tài sản chung của anh L4 - chị U là: 126.350.000đ - 41.324.750đ = 85.025.250đ.

[3] Ngày 18/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nhận được Đơn đề nghị của anh Trần Phú N về việc yêu cầu xem xét, định giá lại tài sản với lý do: Quá trình thẩm định, định giá tài sản tại cấp sơ thẩm anh N không nhận được thông báo tham gia thẩm định; tại Biên bản định giá ngày 13/4/2023 Hội đồng định giá xác định giá đất ở tại nông thôn là 500.000đ/m² đất trồng cây lâu năm là 40.000đ/m² là không khách quan, không đúng giá thị trường.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, ngày 30/6/2023 anh Trần Phú N đã uỷ quyền cho bà Trần Bích L đại diện anh N tham gia làm việc với các cá nhân, tổ chức, cơ quan chức năng, tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm [BL113]. Theo hồ sơ thể hiện Tòa án nhân dân huyện Sông Mã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/7/2023 (bút lục 149 đến 152) đều có bà L tham gia tố tụng. Ngày 31/3/2023, bà Trần Bích L đã nhận được Quyết định xem xét thẩm định và định giá tài sản của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La [BL127]. Theo đó, tại Biên bản định giá ngày 13/4/2023 người đại diện theo uỷ quyền của anh Trần Phú N là bà Trần Bích L đã tham gia và kí vào biên bản [BL136]. Do đó, việc anh Trần Phú N cho rằng anh không nhận được thông báo tham gia thẩm định, không được đưa ra ý kiến tại Biên bản thẩm định, định giá tài sản là không phù hợp.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, sau khi xem xét thẩm định và định giá tài sản, bị đơn bà Lương Thị U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá, tại cấp phúc thẩm anh Trần Phú N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ chứng minh cấp sơ thẩm định giá sai nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị xem xét, định giá lại tài sản của đương sự.

[4] Đối với 01 bản vi bằng, do Văn phòng luật sư Hà Trọng Đ gửi đến Tòa án, có nội dung cuộc nói chuyện qua video giữa anh Trần Minh P1 và bà Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Trần Minh P1 nói: “Bà cho cháu cái phần thừa kế của bà của bố cháu nhé, cái phần bà được hưởng của bố cháu ấy thì vẫn cho đúng không?”; bà Nguyễn Thị B xác nhận: “Ừ, cái đấy thì

vẫn cho”; anh **Trần Minh P1**: “Đúng rồi từ trước giờ thì vẫn cho rồi, ý là cho thì cho hết, phần nào bà được hưởng là bà cho hết”. Như vậy, anh **P1** xin bà **B** phần bà **B** thừa kế của anh **L4**, bà **B** đồng ý. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà **B** vẫn ủy quyền cho ông ông **Trần Văn C**, ông **C** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc xin cho giữa anh **P1** và bà **B** trong vụ án này, anh **P1** và bà **B** có thể giải quyết ở vụ án khác nếu có yêu cầu.

[5] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** và bà **Lương Thị U**; chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Văn L2**, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích và nhận định.

[6] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** và chị **Lương Thị U**, ông **Trần Văn L2** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** và bà **Lương Thị U**; chấp nhận kháng cáo của ông **Trần Văn L2**, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147; Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1, khoản 2 Điều 213; các Điều 649, 650, 651, 655 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận nội dung đơn khởi kiện về việc tranh chấp chia thừa kế của bà **Nguyễn Thị Bát**. Chia thừa kế như sau:

1. 1. Chia di sản thừa kế của anh **Trần Văn L3** cho bà **Nguyễn Thị B** là quyền sử dụng đất được đánh dấu là thửa đất lô số 1, số 2 cùng toàn bộ tài sản

trên đất, có tổng giá trị là 104.604.433đ. Chị Lương Thị U, Trần Minh P1, Trần Phú N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà B phần giá trị di sản thừa kế còn thiếu là 47.953.708đ.

Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau:

* Thửa đất thứ nhất được xác định từ điểm A1 đến các điểm A2, A3, A4. Có tổng diện tích là: 409,5m² là đất trồng cây lâu năm, trong đó có 28,7m² nằm trong hành lang giao thông. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A4 đến A3, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 2, chiều dài cạnh là 7,18m + 109,84m = 117,02m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A1 đến A2, được chia thành từng đoạn gồm: 7,18m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 55,46m + 0,15m + 16,97m + 14,87m + 7,79m + 15,83m = 118,25m. Giáp bà U (các đoạn 7,18m + 55,46m + 0,15m), ông D (các đoạn 16,97m + 14,87m), ông H1 (các đoạn 7,79m + 15,83m)

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A1 đến điểm A4, chiều dài cạnh là 4,11m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A2 đến A3, giáp đất ông H1, chiều dài cạnh là 0,69m.

Tài sản trên đất gồm có: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 5 cây, Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 16 cây, Hồng xiêm từ 3 – 5 năm: 2 cây.

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

* Thửa đất thứ hai được xác định từ điểm A4 đến các điểm A3, A6, A5. Có tổng diện tích là: 466,1m² là đất trồng cây lâu năm, trong đó có 28,7m² nằm trong hành lang giao thông. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A5 đến A6, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 3, chiều dài cạnh là 7,18m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 108,82m = 116m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A4 đến A3, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 1, chiều dài cạnh là 7,18m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 109,84m = 117,02m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A4 đến điểm A5, chiều dài cạnh là 4,11m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A3 đến A6, giáp đất nhà ông H1, chiều dài cạnh là 4m.

Tài sản trên đất gồm có: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 9 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 9 cây; Hồng xiêm từ 3 – 5 năm: 3 cây; Me cho quả từ 3- 5 năm: 01 cây; Chanh cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1. 2. Giao cho chị Lương Thị U cùng các con là Trần Minh P1, Trần Phú N được quyền quản lý sử dụng thửa đất được đánh dấu là lô số 3 cùng toàn bộ tài sản trên đất là di sản thừa kế chưa chia của anh L3 đối với chị Lương Thị U và Trần Minh P1, Trần Phú N.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A5 đến các điểm A6, A7, A8. Có tổng diện tích là: 1982,6m². Trong đó: 1931,9m² là đất trồng cây lâu năm (nằm trong tổng diện tích này có 162,3m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 50,7m² là đất ở nông thôn. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A7 đến A8, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 4, chiều dài cạnh là 83,72m + 20,18m + 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) = 110,96m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A5 đến A6, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số hai, chiều dài cạnh là 7,18m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 108,82m = 116m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A5 đến điểm A8, chiều dài cạnh là 19,62m + 3,93m = 23,55m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A6 đến A7, giáp đất nhà ông H1, chiều dài cạnh là 11,83m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 22 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3 - 5 năm: 52 cây; Hồng xiêm cho quả từ 3 – 5 năm: 06 cây; Cây cóc cho quả từ 3 - 5 năm: 01 cây; Chanh cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây; Xoài cho quả từ 3 – 5 năm: 6 cây; Cây ổi cho quả từ 3 – 5 năm: 03 cây; Dừa cho quả trên 10 năm: 01 cây; Táo cho quả trên 10 năm: 02 cây.

- Các công trình xây dựng: 01 ngôi nhà xây mái bằng (ký hiệu là N1 trong sơ đồ) có diện tích là 130,4m², 01 phân bán mái (ký hiệu là N2 trong sơ đồ) có diện tích là 14,1m², 01 nhà bếp + nhà vệ sinh + nhà tắm (ký hiệu là N18 trong sơ đồ) có diện tích là 31,5m², 01 sân gạch (có ký hiệu N3 trong sơ đồ) nằm ở phía trước (hướng Nam) của ngôi nhà xây mái bằng có diện tích là 119,1m², cổng lối

vào sân gạch (trụ cổng xây gạch chỉ x 2 trụ - ký hiệu là N4 trong sơ đồ) và 01 cổng sắt có diện tích là 5,6m², 01 nhà tắm ngoài trời (ký hiệu là N15 trong sơ đồ) có diện tích là 1,6m²; 01 giếng nước thành xây bằng gạch (ký hiệu là N16 trong sơ đồ) có kích thước là 0,5 x 0,5 x 17,0 x 3,14 = 13,345m³.

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.3. Chia di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho bà **Trần Thị Đ1** của thửa đất được đánh dấu là lô số 4 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có tổng giá trị là: 83.090.000đ. Bà **Đ1** phải trả cho chị **Lương Thị U** và anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** giá trị các tài sản nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 41.241.660đ.

* Đặc điểm cụ thể của thửa đất như sau: được xác định từ điểm A7 đến các điểm A8, A9, A10. Có tổng diện tích là: 441,7m². Trong đó: có 361m² là đất trồng cây lâu năm (có 28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 80,7m² là đất ở nông thôn. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A9 đến A10, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 5, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 82,67m = 109,91m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A7 đến A8, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 3, chiều dài cạnh là 83,72m + 20,18m + 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) = 110,96m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A8 đến điểm A9, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A7 đến A10, giáp đất nhà ông **H1**, chiều dài cạnh là 4,03m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 06 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 10 cây; Chanh cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây; Cây dừa trên 10 năm: 01 cây; Cây vú sữa cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

- Các công trình xây dựng: một phần của nhà kho (có ký hiệu trong sơ đồ là N12), có diện tích là 11,8m².

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.4. Chia di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn C** của thửa đất được đánh dấu là lô số 5 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 81.974.000đ. Ông **C** phải trả cho chị **Lương Thị U** và anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** giá trị các tài sản chung nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 40.649.250đ.

* Đặc điểm cụ thể của thửa đất như sau: được xác định từ điểm A9 đến các điểm A10, A11, A12. Có tổng diện tích là: 437,3m². Trong đó: có 356,6m² là đất trồng cây lâu năm (28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 80,7m² là đất ở nông thôn. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A12 đến A11, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 6, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 81,53m = 108,77m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A9 đến A10, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 4, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 82,67m = 109,91m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A9 đến A12, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A10 đến A11, giáp đất nhà ông **H1**, chiều dài cạnh là 4,04m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 04 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 12 cây; Xoài cho quả trên 10 năm: 02 cây;

- Các công trình xây dựng: một phần của nhà kho (có ký hiệu trong sơ đồ là N13), có diện tích là 10,3m²; một phần của nhà kho (có ký hiệu trong sơ đồ là N8), có diện tích là 6,6m²; 01 bán mái lập tôn, cột kèo bằng sắt (có ký hiệu trong sơ đồ là N5), có diện tích là 25m², diện tích phần lớn nằm trong diện tích đất hành lang giao thông; 01 bể nước (có ký hiệu trong sơ đồ là N14), có diện tích là 7m².

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác

1.5. Chia di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn T1** của thửa đất được đánh dấu là lô số 6 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 68.684.000đ. Ông **T1** phải trả cho chị **Lương Thị U** và anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** giá trị các cây cối trên đất nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 27.359.250đ.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A12 đến các điểm A11, A14, A13. Có tổng diện tích là: 432,8m². Trong đó: Có 352,1m² là đất trồng cây lâu năm (28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 80,7m² là đất ở nông thôn.

Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A13 đến A14, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 7, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 80,40m = 107,64m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A12 đến A111, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 5, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 81,53m = 108,77m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A12 đến A13, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A11 đến A14, giáp đất nhà ông **H1**, chiều dài cạnh là 4,04m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 01 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 17 cây; Mít cho quả từ 5 – 10 năm: 01 cây; Chanh cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

- Các công trình xây dựng: một phần của ngôi nhà xây cấp 4, mái lợp ngói (có ký hiệu trong sơ đồ là N6), có diện tích là 42,7m², phần lớn diện tích nằm trong hành lang giao thông và một phần nằm trong diện tích đất ở nông thôn; một phần của nhà kho (có ký hiệu trong sơ đồ là N9), có diện tích là 9,3m².

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.6. Chia di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn Á** của thửa đất được đánh dấu là lô số 7 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 101.496.000đ. Ông **Á** phải trả cho chị **Lương Thị U** và anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** giá trị các tài sản chung nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 60.171.250đ.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A13 đến các điểm A14, A15, A16. Có tổng diện tích là: 428,3m². Trong đó: Có 347,6m² là đất trồng cây lâu năm nằm (28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 80,7m² là đất ở nông thôn. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A16 đến A15, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 8, chiều dài cạnh là 7,05m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 79,27m = 106,5m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A13 đến A14, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 6, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 80,40m = 107,64m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A13 đến A16, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A14 đến A15, giáp đất nhà ông **H1**, chiều dài cạnh là 4,04m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả trên 10 năm: 11 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 04 cây; Hồng xiêm cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

- Các công trình xây dựng: một phần của ngôi nhà xây cấp 4, mái lợp ngói (có ký hiệu trong sơ đồ là N7), có diện tích là 41,6m², phần lớn diện tích nằm trong hành lang giao thông và một phần nằm trong diện tích đất ở nông thôn. 01 bể nước (có ký hiệu trong sơ đồ là N14).

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.7. Chia thừa kế là di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn P** của thửa đất được đánh dấu là lô số 8 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 45.404.000đ. Ông **P** phải trả cho chị **Lương Thị U** và anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** giá trị các tài sản chung nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 4.079.250đ.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A16 đến các điểm A15, A18, A17. Có tổng diện tích là: 424,1m². Trong đó: 397,6m² là đất trồng cây lâu năm nằm (28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) và 26,5m² là đất ở nông thôn.

Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A17 đến A18, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 9, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 98,47m = 105,53m.

- Phía Tây được xác định từ điểm A16 đến A15, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 7, chiều dài cạnh là 7,05m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 20,18m + 79,27m = 106,5m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A16 đến A17, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A15 đến A18, giáp đất nhà ông **H1**, chiều dài cạnh là 4,02m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả từ 5- 10 năm: 01 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3-5 năm: 25 cây; Hồng xiêm cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây; Bưởi cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây.

- Các công trình xây dựng: một nhà tắm + vệ sinh (có ký hiệu trong sơ đồ là N17), có diện tích là 3,9m², một phần của chuồng gà (có ký hiệu trong sơ đồ là N10), có diện tích là 10,2m².

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

1.8. Chia thừa kế là di sản thừa kế của ông **Trần Văn T2** là quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn L2** của thửa đất được đánh dấu là lô số 9 cùng toàn bộ tài sản trên đất, có giá trị là 126.350.000đ. Ông **L2** phải trả cho chị **Lương Thị U** và anh **Trần Minh P1**, anh **Trần Phú N** giá trị các tài sản chung nằm trong khối tài sản chung của anh **L3** - chị **U** là 85.025.250đ.

* Thửa đất có đặc điểm cụ thể như sau: được xác định từ điểm A17 đến các điểm A18, A19, A20, A21, A22. Có tổng diện tích là: 1470m² đều là đất trồng cây lâu năm, trong đó có 28,2m² là đất trồng cây lâu năm nằm trong diện tích đất hành lang giao thông. Có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông được xác định từ điểm A19 đến các điểm A20, A21, A22, giáp với đất của ông **Đ2** và đất ông **P2**, chiều dài cạnh là 42,30m + 7,49m + 17,37m + 17,59m + 3,72m + 7,30m + 10,98m + 5,38m + 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông).

- Phía Tây được xác định từ điểm A17 đến A18, giáp với thửa đất được đánh dấu là thửa số 8, chiều dài cạnh là 7,06m (đoạn này nằm trong diện tích đất hành lang giao thông) + 98,47m = 105,53m.

- Phía Nam giáp đường quốc lộ 4G, được xác định từ điểm A17 đến A22, chiều dài cạnh là 4,04m.

- Phía Bắc được xác định từ điểm A18 đến A19, giáp đất nhà ông **H1** chiều dài cạnh là 13,06m và giáp đất ông **Đ2** chiều dài cạnh là 11,96m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Cây ăn quả: Nhãn ghép cho quả từ 5 - 10 năm: 18 cây; Nhãn ghép cho quả từ 3 - 5 năm: 55 cây; Đu đủ cho quả từ 3 – 5 năm: 01 cây; Nghệ: 150 khóm.

- Các công trình xây dựng: một phần của chuồng gà (có ký hiệu trong sơ đồ là N11), có diện tích là 19,5m². 01 bể phốt ngầm.

Ngoài ra trên đất không còn tài sản gì khác.

(Toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất được mô tả có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền quản lý về đất đai để thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu đất cùng các tài sản trên đất và cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cùng các tài sản trên đất theo quy định.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 24; khoản 1, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị **Lương Thị U**, anh **Trần Phú N**, anh **Trần Minh P1**, ông **Trần Văn L2** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Chị **Lương Thị U**, anh **Trần Phú N**, anh **Trần Minh P1** được hoàn trả mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000729 ngày 17/10/2023, phiếu thu số 0000735 ngày 20/10/2023, phiếu thu số 0000725 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Ông **Trần Văn L2** được hoàn trả 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000728 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2024).

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi xuất quy định tại điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015”.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Thị Hiếu

